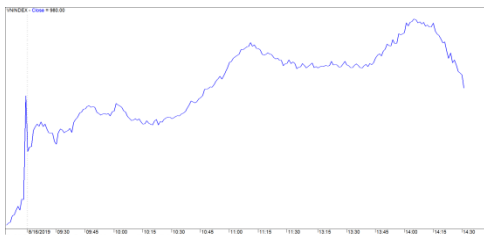


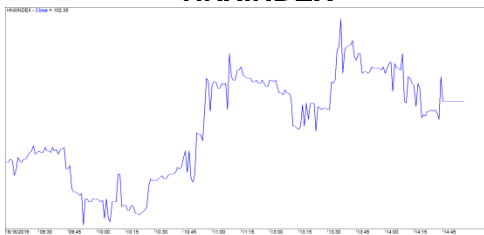
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	980.00	102.35	57.55
% ngày	0.06%	0.68%	0.35%
% tuần	0.58%	-0.43%	-1.51%
% tháng	-0.21%	-3.31%	0.44%
% năm	1.63%	-5.16%	12.01%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,773	387	490
TB 1 tuần	4,001	374	450
TB 1 tháng	4,312	419	440
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	336.24	9.49	32.12
Bán	564.18	28.46	4.99
Giá trị ròng	-227.94	-18.97	27.13
Độ rộng TT			
Mã Tăng	151	91	212
Mã Giảm	143	58	100
Không Đổi	94	218	585
Chỉ số chính			
P/E	16.50	9.20	19.05
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,317	188	1,017
LS Cổ tức	1.75%	4.53%	5.58%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam có phiên giao dịch cuối tuần “vui nhưng không trọn vẹn” khi VN-Index có lúc tăng mạnh gần 10 điểm nhưng xóa bỏ gần hết thành quả về cuối phiên. VN-Index đóng cửa chỉ còn tăng 0.06% dừng tại 980 điểm trong khi chỉ số HNX-Index tăng khá hơn với mức tăng 0.67% dừng tại 102.35 điểm, chỉ số Upcom-Index tăng 0.34% neo tại 57.55 điểm. Thanh khoản tăng khá mạnh trên sàn HOSE nhờ dòng tiền tham gia vào cổ phiếu trong rổ VN30-Index.

Điểm nhấn phiên hôm nay là sự trở lại của cổ phiếu chưa tăng mạnh. Cụ thể, TCB tăng thêm 4.3% với hơn 6,2 triệu cổ phiếu. BID cũng tăng khá với mức tăng 2.6%, PC1 tăng 6.1%. Đáng chú ý nhóm Chứng khoán đồng loạt hồi phục trong đó HCM nổi bật khi tăng kịch trần, VCI(+4.7%), VND(+0.3%), SSI(+1.8%), CTS(+3.6%), SHS(+2.4%).

Các cổ phiếu sàn Hà Nội có xung lực tăng khá tốt phiên cuối tuần. Ngoài 2 trụ lớn ACB, PVS tăng lần lượt 0.9% và 0.5%, L14(+9%), CEO(+2%), DTD(+5%), SHS(+2.4%), TVC(+3.6%), VCG(+2.3%).

Khối ngoại tiếp tục là điểm trừ khi duy trì động thái bán ròng với 219 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, HPG(99 tỷ), VJC (52 tỷ), E1VFN30(45 tỷ) là những mã bị bán ròng mạnh nhất. Ở chiều mua, VNM dẫn đầu khi được mua ròng 64.8 tỷ.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục kiểm định vùng kháng cự 980 – 983 điểm. Đồng thời, điểm tích cực chúng tôi nhận thấy nhóm cổ phiếu VN30 tiếp tục thu hút dòng tiền và chỉ số VN30 có dấu hiệu bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho thấy dòng tiền có thể sẽ tiếp tục gia tăng ở nhóm cổ phiếu này trong những phiên tới. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng nhẹ cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 983.07 điểm của chỉ số VN-Index và 104.35 điểm của chỉ số HNX-Index. Đồng thời, xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN30 vẫn duy trì ở mức TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể gia tăng tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị và nên chú ý vào nhóm cổ phiếu VN30.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 47% cổ phiếu/53% tiền.

Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 46% cổ phiếu/54% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.05	GIẢM	TĂNG		17.59			16.85	16.52	1.19%	
ACB	21.90	GIẢM	GIẢM		22.49				23.85		
ACV	82.10	TĂNG	TĂNG	85.80	81.66	-4.31%		90.00	81.77	-8.78%	
ANV	24.50	GIẢM	GIẢM		25.74				28.71		
ASM	6.21	GIẢM	GIẢM		6.42				6.96		
BFC	15.80	TĂNG	GIẢM	15.90	14.92	-0.63%			17.86		
BID	36.00	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	10.26%		33.40	31.96	7.78%	
BMP	51.70	TĂNG	TĂNG	52.30	49.11	-1.15%		48.30	44.48	7.04%	
BSR	9.70	GIẢM	GIẢM		10.38				12.06		
BVH	77.10	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-9.72%	
BWE	26.75	GIẢM	TĂNG		26.83			20.00	25.45	33.75%	
CEO	10.40	GIẢM	GIẢM		10.71				11.33		
CII	21.00	GIẢM	GIẢM		21.91				23.34		
CMG	41.80	TĂNG	TĂNG	40.15	36.04	4.11%		23.20	34.35	80.17%	
CMX	29.00	GIẢM	TĂNG		30.24			5.91	24.85	390.69%	
CSM	14.75	TĂNG	TĂNG	15.40	14.50	-4.22%		14.39	14.22	2.50%	
CTD	102.00	GIẢM	TĂNG		106.72			112.70	99.66	-9.49%	
CTG	20.50	GIẢM	GIẢM		20.90				22.52		
CTI	23.70	TĂNG	GIẢM	23.70	23.32	0.00%	MUA		24.64		
CTR	62.00	TĂNG	N/A	28.80	52.08	115.28%		-	N/A		
CVT	21.10	TĂNG	TĂNG	19.80	19.44	6.57%		20.35	18.32	3.69%	
DCM	8.14	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		
DGC	28.20	GIẢM	TĂNG		29.99			31.90	27.79	-11.60%	
DGW	23.15	TĂNG	TĂNG	23.50	22.56	-1.49%		23.50	21.23	-1.49%	
DHA	34.85	GIẢM	TĂNG	32.25	34.92	8.27%	BÁN	29.10	32.95	19.76%	
DHC	32.00	GIẢM	GIẢM		34.22			29.34	33.00	12.48%	BÁN
DHG	94.00	GIẢM	GIẢM		98.15				106.60		
DIG	12.55	GIẢM	GIẢM		12.68				13.66		
DPG	48.10	TĂNG	TĂNG	39.40	46.01	22.08%		40.02	42.50	20.20%	
DPM	13.80	TĂNG	GIẢM	14.40	13.53	-4.17%			15.58		
DPR	41.40	GIẢM	TĂNG		43.97			42.50	41.14	-2.59%	
DQC	18.40	GIẢM	GIẢM		18.87				20.27		
DRC	21.60	TĂNG	TĂNG	20.45	20.11	5.62%		21.60	20.88	0.00%	MUA
DXG	14.10	TĂNG	GIẢM	16.15	12.65	-12.69%			14.74		



We Create Fortune

EIB	17.45	GIẢM	TĂNG		18.23			14.70	16.88	18.71%	
FCN	13.00	GIẢM	GIẢM		13.61				14.53		
FMC	30.20	TĂNG	GIẢM	28.95	30.12	4.32%			30.62		
FPT	52.00	TĂNG	TĂNG	45.20	50.27	15.04%		46.00	45.45	13.04%	
GAS	100.90	GIẢM	GIẢM		104.67				113.06		
GEX	20.20	TĂNG	TĂNG	22.20	19.77	-9.01%		20.20	18.52	0.00%	MUA
GIL	23.50	GIẢM	GIẢM		24.39				27.12		
GMD	28.50	TĂNG	TĂNG	26.55	26.79	7.34%		28.50	27.99	0.00%	MUA
GTN	19.40	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	3.19%		15.00	16.46	29.33%	
GVR	15.70	TĂNG	N/A	13.50	15.22	16.30%			N/A		
HAG	4.90	GIẢM	GIẢM		5.14				5.59		
HAX	20.90	TĂNG	TĂNG	20.00	19.55	4.50%		15.75	17.24	32.70%	
HBC	13.60	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-4.56%			15.82		
HCM	20.90	TĂNG	GIẢM	20.90	20.66	0.00%	MUA		23.29		
HDB	26.40	TĂNG	GIẢM	26.30	25.07	0.38%			27.77		
HDC	19.25	TĂNG	TĂNG	15.25	18.30	26.23%		15.25	15.46	26.23%	
HDG	36.20	GIẢM	TĂNG		37.59			35.30	32.61	2.55%	
HNG	18.45	TĂNG	TĂNG	18.35	17.41	0.54%		17.10	16.59	7.89%	
HPG	23.05	TĂNG	GIẢM	23.30	22.34	-1.07%			23.96		
HSG	6.64	GIẢM	GIẢM		6.96				8.02		
HT1	15.10	GIẢM	GIẢM		15.54				16.96		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.16	0.00%			2.83		
HVN	38.90	GIẢM	TĂNG		40.09			39.00	38.75	-0.26%	
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	-3.75%		15.35	14.17	0.33%	
KDH	24.00	TĂNG	TĂNG	22.90	22.73	4.80%		24.00	23.94	0.00%	MUA
KSB	23.90	TĂNG	TĂNG	22.95	23.15	4.14%		23.90	20.66	0.00%	MUA
LCG	9.30	GIẢM	GIẢM		10.02				11.26		
LDG	8.17	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-0.12%			9.15		
LHG	18.00	GIẢM	TĂNG		19.09			19.30	17.32	-6.74%	
LPB	7.80	GIẢM	GIẢM		7.94				8.51		
LSS	5.20	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-3.53%			5.84		
MBB	22.40	TĂNG	TĂNG	22.20	21.63	0.90%		21.85	20.88	2.52%	
MPC	28.70	GIẢM	GIẢM		36.00				40.20		
MSN	77.00	GIẢM	GIẢM		77.30				84.35		
MSR	16.10	GIẢM	GIẢM		17.35				19.68		
MWG	117.30	TĂNG	TĂNG	110.00	113.31	6.64%		88.70	102.22	32.24%	
NDN	18.00	TĂNG	TĂNG	14.10	17.56	27.66%		13.70	15.83	31.39%	
NKG	6.36	TĂNG	GIẢM	6.35	6.29	0.16%			6.85		
NLG	30.80	TĂNG	TĂNG	29.90	30.72	3.01%		28.70	28.44	7.32%	



We Create Fortune

NT2	24.65	GIẢM	GIẢM		25.05				26.43		
NTL	26.25	TĂNG	TĂNG	22.95	25.46	14.38%		10.45	22.46	151.20%	
NVL	61.80	TĂNG	GIẢM	61.90	58.21	-0.16%			62.33		
OIL	11.50	TĂNG	GIẢM	11.70	11.18	-1.71%			12.38		
PAC	30.20	GIẢM	GIẢM		31.48				34.14		
PC1	17.45	TĂNG	GIẢM	17.45	16.82	0.00%	MUA		18.38		
PDR	26.05	GIẢM	TĂNG		26.78			29.00	25.01	-10.17%	
PHR	71.60	GIẢM	TĂNG		74.65			24.00	65.28	198.33%	
PLX	62.40	GIẢM	TĂNG		63.73			62.40	59.59	0.00%	
PNJ	86.00	TĂNG	TĂNG	77.00	82.64	11.69%		104.00	75.64	-17.31%	
POW	12.90	GIẢM	GIẢM		13.46				15.54		
PVT	17.50	TĂNG	TĂNG	17.45	16.69	0.29%		18.30	15.44	-4.37%	
PPC	25.10	GIẢM	GIẢM		26.26				29.10		
PTB	71.40	TĂNG	TĂNG	69.70	67.22	2.44%		64.00	64.57	11.56%	
PVB	21.50	TĂNG	TĂNG	20.20	21.31	6.44%		20.10	18.52	6.97%	
PVD	16.05	GIẢM	GIẢM		16.24				18.05		
PVI	39.00	TĂNG	GIẢM	38.10	37.02	2.36%			39.70		
PVS	20.40	GIẢM	GIẢM		21.45				24.12		
PXS	6.06	TĂNG	TĂNG	5.70	5.66	6.32%		4.85	5.12	24.95%	
QNS	30.10	GIẢM	TĂNG		30.80			33.80	28.22	-10.95%	
REE	37.55	TĂNG	TĂNG	34.00	34.61	10.44%		33.33	31.19	12.68%	
SAB	276.00	GIẢM	TĂNG		286.92			245.00	259.03	12.65%	
SAM	7.83	GIẢM	TĂNG		8.09			7.40	7.69	5.81%	
SCR	6.70	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-3.18%			7.23		
SHI	8.69	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	3.58%		6.99	7.49	24.32%	
SJS	16.80	GIẢM	GIẢM		17.86			-	19.89		
SKG	11.50	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
SSI	22.25	GIẢM	GIẢM		22.37				24.29		
STB	10.30	GIẢM	GIẢM		10.61				11.38		
TCB	21.90	TĂNG	GIẢM	20.85	20.19	5.04%			22.22		
TCM	24.30	GIẢM	GIẢM		25.52				28.96		
TDH	9.39	TĂNG	GIẢM	9.40	8.90	-0.11%			10.07		
TLH	4.62	TĂNG	GIẢM	4.75	4.49	-2.74%			5.16		
TNG	18.20	GIẢM	GIẢM		19.29				22.17		
VCB	77.90	GIẢM	TĂNG		79.78			62.00	73.39	25.65%	
VCG	26.80	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-0.74%		19.20	24.08	39.58%	
VCS	89.50	TĂNG	TĂNG	81.10	83.52	10.36%		68.00	74.11	31.62%	
VGC	18.60	GIẢM	GIẢM		19.52				20.64		
VGT	9.10	GIẢM	GIẢM		9.59				10.55		



We Create Fortune

VHC	83.00	GIẢM	GIẢM		86.52			95.13		
VHM	83.50	GIẢM	TĂNG		87.03		90.20	76.55	-7.43%	
VIB	18.40	TĂNG	TĂNG	17.00	16.33	8.24%	17.70	14.87	3.95%	
VIC	122.00	GIẢM	TĂNG		122.89		112.00	113.20	8.93%	
VIP	5.03	GIẢM	GIẢM		5.17			5.48		
VJC	130.50	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-2.97%	124.50	124.10	4.82%	
VND	14.70	GIẢM	GIẢM		14.96			16.01		
VNG	18.45	GIẢM	GIẢM		18.80			20.50		
VNM	124.10	TĂNG	GIẢM	124.10	122.12	0.00%	MUA	130.37		
VPB	19.45	TĂNG	GIẢM	19.10	18.50	1.83%		19.82		
VPI	42.70	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	1.18%		42.86		
VRC	14.90	TĂNG	GIẢM	15.30	14.39	-2.61%		16.26		
VRE	35.15	GIẢM	TĂNG		36.46		35.00	33.61	0.43%	
VSC	29.20	TĂNG	GIẢM	28.60	27.92	2.10%		32.28		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	21.90	GIẢM	GIẢM		22.49				23.85		
BID	36.00	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	10.26%		33.40	31.96	7.78%	
BSR	9.70	GIẢM	GIẢM		10.38				12.06		
BVH	77.10	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-9.72%	
CTG	20.50	GIẢM	GIẢM		20.90				22.52		
EIB	17.45	GIẢM	TĂNG		18.23			14.70	16.88	18.71%	
FPT	52.00	TĂNG	TĂNG	45.20	50.27	15.04%		41.00	45.45	26.84%	
GAS	100.90	GIẢM	GIẢM		104.67				113.06		
HDB	26.40	TĂNG	GIẢM	26.30	25.07	0.38%			27.77		
HNG	18.45	TĂNG	TĂNG	18.35	17.41	0.54%		17.10	16.59	7.89%	
HPG	23.05	TĂNG	GIẢM	23.30	22.34	-1.07%			23.96		
HVN	38.90	GIẢM	TĂNG		40.09			39.00	38.75	-0.26%	
KDH	24.00	TĂNG	TĂNG	22.90	22.73	4.80%		24.00	23.94	0.00%	MUA
MBB	22.40	TĂNG	TĂNG	22.20	21.63	0.90%		21.27	20.88	5.31%	
MSN	77.00	GIẢM	GIẢM		77.30				84.35		
MWG	117.30	TĂNG	TĂNG	110.00	113.31	6.64%		88.70	102.22	32.24%	
NVL	61.80	TĂNG	GIẢM	61.90	58.21	-0.16%			62.33		
OIL	11.50	TĂNG	GIẢM	11.70	11.18	-1.71%			12.38		
PLX	62.40	GIẢM	TĂNG		63.73			59.97	59.59	4.05%	

We Create Fortune

PNJ	86.00	TĂNG	TĂNG	77.00	82.64	11.69%		77.88	75.64	10.42%	
POW	12.90	GIẢM	GIẢM		13.46				15.54		
PVS	20.40	GIẢM	GIẢM		21.45				24.12		
QNS	30.10	GIẢM	TĂNG		30.80			33.80	28.22	-10.95%	
REE	37.55	TĂNG	TĂNG	34.00	34.61	10.44%		33.33	31.19	12.68%	
ROS	26.20	TĂNG	GIẢM	28.50	25.52	-8.07%			30.96		
SSI	22.25	GIẢM	GIẢM		22.37				24.29		
STB	10.30	GIẢM	GIẢM		10.61				11.38		
TCB	21.90	TĂNG	GIẢM	20.85	20.19	5.04%			22.22		
TPB	22.45	GIẢM	GIẢM		22.88				N/A		
VCB	77.90	GIẢM	TĂNG		79.78			62.00	73.39	25.65%	
VCG	26.80	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-0.74%		18.44	24.08	45.33%	
VEA	51.90	GIẢM	GIẢM		56.97				N/A		
VGI	36.90	TĂNG	GIẢM	29.50	32.57	25.08%			N/A		
VHM	83.50	GIẢM	TĂNG		87.03			90.20	76.55	-7.43%	
VIB	18.40	TĂNG	TĂNG	17.00	16.33	8.24%		17.70	14.87	3.95%	
VIC	122.00	GIẢM	TĂNG		122.89			112.00	113.20	8.93%	
VJC	130.50	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-2.97%		124.50	124.10	4.82%	
VNM	124.10	TĂNG	GIẢM	124.10	122.12	0.00%	MUA		130.37		
VPB	19.45	TĂNG	GIẢM	19.10	18.50	1.83%			19.82		
VRE	35.15	GIẢM	TĂNG		36.46			34.00	33.61	3.39%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.05	GIẢM	TĂNG		17.59			16.85	16.52	1.19%	
ANV	24.50	GIẢM	GIẢM		25.74				28.71		
ASM	6.21	GIẢM	GIẢM		6.42				6.96		
BMP	51.70	TĂNG	TĂNG	52.30	49.11	-1.15%		48.30	44.48	7.04%	
BWE	26.75	GIẢM	TĂNG		26.83			19.44	25.45	37.60%	
C4G	8.10	GIẢM	GIẢM		8.47			-	9.78		
CEO	10.40	GIẢM	GIẢM		10.71				11.33		
CII	21.00	GIẢM	GIẢM		21.91				23.34		
CRE	25.00	GIẢM	GIẢM		25.34			-	26.06		
CTI	23.70	TĂNG	GIẢM	23.70	23.32	0.00%	MUA		24.64		
CTR	62.00	TĂNG	#N/A	28.80	52.08	115.28%		-	#N/A		
DCM	8.14	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		

We Create Fortune

DHC	32.00	GIẢM	GIẢM		34.22			35.20	33.00	-6.24%	BÁN
DIG	12.55	GIẢM	GIẢM		12.68				13.66		
DPM	13.80	TĂNG	GIẢM	14.40	13.53	-4.17%			15.58		
DRC	21.60	TĂNG	TĂNG	20.45	20.11	5.62%		21.60	20.88	0.00%	MUA
DXG	14.10	TĂNG	GIẢM	16.15	12.65	-12.69%			14.74		
E1VFN30	14.86	TĂNG	GIẢM	14.62	14.39	1.64%			15.16		
FCN	13.00	GIẢM	GIẢM		13.61				14.53		
FLC	3.90	GIẢM	GIẢM		4.10				4.48		
FTM	20.50	GIẢM	GIẢM		23.54			16.25	22.18	36.51%	BÁN
GEG	28.20	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	23.68%		12.90	23.91	118.60%	
GEX	20.20	TĂNG	TĂNG	22.20	19.77	-9.01%		20.20	18.52	0.00%	MUA
GMD	28.50	TĂNG	TĂNG	26.55	26.79	7.34%		28.50	27.99	0.00%	MUA
GTN	19.40	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	3.19%		15.00	16.46	29.33%	
GVR	15.70	TĂNG	#N/A	13.50	15.22	16.30%		-	#N/A		
HAG	4.90	GIẢM	GIẢM		5.14				5.59		
HBC	13.60	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-4.56%			15.82		
HCM	20.90	TĂNG	GIẢM	20.90	20.66	0.00%	MUA		23.29		
HDG	36.20	GIẢM	TĂNG		37.59			35.30	32.61	2.55%	
HPX	26.50	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.38%		-	#N/A		
HSG	6.64	GIẢM	GIẢM		6.96				8.02		
HT1	15.10	GIẢM	GIẢM		15.54				16.96		
IBC	21.00	GIẢM	TĂNG		21.50			24.90	20.15	-15.66%	
IDI	6.26	GIẢM	GIẢM		6.49				7.29		
IJC	14.45	TĂNG	TĂNG	11.35	13.69	27.31%		13.10	11.85	10.31%	
ITA	3.40	GIẢM	TĂNG		3.53			3.20	2.94	6.25%	
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	-3.75%		15.35	14.17	0.33%	
KSB	23.90	TĂNG	TĂNG	22.95	23.15	4.14%		23.90	20.66	0.00%	MUA
LDG	8.17	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-0.12%			9.15		
LPB	7.80	GIẢM	GIẢM		7.94				8.51		
MBS	15.60	GIẢM	TĂNG		16.31			16.00	14.25	-2.50%	
MPC	28.70	GIẢM	GIẢM		36.00				40.20		
NBB	21.00	GIẢM	TĂNG		21.79			21.50	19.30	-2.33%	
NKG	6.36	TĂNG	GIẢM	6.35	6.29	0.16%			6.85		
NLG	30.80	TĂNG	TĂNG	29.90	30.72	3.01%		28.70	28.44	7.32%	
NT2	24.65	GIẢM	GIẢM		25.05				26.43		
NTC	190.80	GIẢM	TĂNG		195.18			120.00	162.94	59.00%	
NTL	26.25	TĂNG	TĂNG	22.95	25.46	14.38%		9.33	22.46	181.31%	
NVB	7.40	GIẢM	GIẢM		7.69				8.65		

We Create Fortune

OGC	4.09	TĂNG	GIẢM	4.09	4.03	0.00%	MUA		4.54		
PC1	17.45	TĂNG	GIẢM	17.45	16.82	0.00%	MUA		18.38		
PDR	26.05	GIẢM	TĂNG		26.78			23.60	25.01	10.40%	
PHR	71.60	GIẢM	TĂNG		74.65			22.86	65.28	213.15%	
PPC	25.10	GIẢM	GIẢM		26.26				29.10		
PTB	71.40	TĂNG	TĂNG	69.70	67.22	2.44%		60.78	64.57	17.47%	
PVD	16.05	GIẢM	GIẢM		16.24				18.05		
PVI	39.00	TĂNG	GIẢM	38.10	37.02	2.36%			39.70		
PVT	17.50	TĂNG	TĂNG	17.45	16.69	0.29%		18.30	15.44	-4.37%	
QCG	4.98	TĂNG	GIẢM	4.62	4.62	7.79%			5.28		
SAM	7.83	GIẢM	TĂNG		8.09			7.40	7.69	5.81%	
SBT	16.00	GIẢM	GIẢM		16.41				17.67		
SCR	6.70	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-3.18%			7.23		
SHB	6.30	GIẢM	GIẢM		6.65				7.10		
SHS	8.50	GIẢM	GIẢM		8.81				9.66		
SJS	16.80	GIẢM	GIẢM		17.86				19.89		
STK	20.70	GIẢM	GIẢM		22.24			17.00	21.12	24.24%	BÁN
SZC	23.60	GIẢM	#N/A		25.12			-	#N/A		
TCH	22.50	TĂNG	TĂNG	22.05	21.69	2.04%		22.50	19.92	0.00%	MUA
TCM	24.30	GIẢM	GIẢM		25.52				28.96		
TNG	18.20	GIẢM	GIẢM		19.29				22.17		
TTB	24.30	TĂNG	TĂNG	22.60	24.09	7.52%		24.50	22.43	-0.82%	
VCI	36.00	TĂNG	TĂNG	32.30	32.55	11.46%		36.00	35.72	0.00%	MUA
VGT	9.10	GIẢM	GIẢM		9.59				10.55		
VHC	83.00	GIẢM	GIẢM		86.52				95.13		
VND	14.70	GIẢM	GIẢM		14.96				16.01		
VNG	18.45	GIẢM	GIẢM		18.80				20.50		
VPI	42.70	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	1.18%			42.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.90	TĂNG	#N/A	9.40	10.35	15.96%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.40	TĂNG	TĂNG	4.40	4.36	0.00%	MUA	3.99	3.71	10.28%	
AMD	1.60	GIẢM	GIẢM		1.69				1.95		
APG	9.19	GIẢM	TĂNG		9.49			9.90	7.90	-7.17%	
ART	2.20	GIẢM	GIẢM		2.47				2.78		

We Create Fortune

BCC	7.60	GIẢM	GIẢM		8.14			7.70	7.70	-0.03%	BÁN
BCG	6.53	TĂNG	TĂNG	5.82	6.15	12.20%		6.39	5.45	2.19%	
C69	21.00	TĂNG	TĂNG	8.80	19.42	138.64%		5.30	16.56	296.23%	
CCL	7.89	TĂNG	TĂNG	6.38	7.03	23.67%		3.46	6.13	128.03%	
CRC	18.90	TĂNG	TĂNG	18.70	16.58	1.07%		18.90	17.35	0.00%	MUA
CVT	21.10	TĂNG	TĂNG	19.80	19.44	6.57%		20.35	18.32	3.69%	
DAG	7.12	TĂNG	TĂNG	6.55	6.78	8.70%		7.09	5.94	0.42%	
DAH	13.90	TĂNG	TĂNG	13.90	13.67	0.00%	MUA	4.66	11.21	198.02%	
DGW	23.15	TĂNG	TĂNG	23.50	22.56	-1.49%		23.50	21.23	-1.49%	
DLG	1.53	GIẢM	GIẢM		1.56				1.65		
DRH	6.78	GIẢM	GIẢM		7.24				7.76		
DTD	16.80	TĂNG	TĂNG	15.90	15.29	5.66%		12.90	12.68	30.23%	
EVG	2.70	GIẢM	GIẢM		2.86				3.02		
FIT	3.34	GIẢM	TĂNG		3.54			3.64	3.03	-8.24%	
GKM	14.90	GIẢM	GIẢM		14.96				15.54		
HAH	15.10	TĂNG	TĂNG	12.80	14.19	17.97%		13.00	12.78	16.15%	
HAI	1.68	GIẢM	GIẢM		1.78				1.93		
HAP	3.40	GIẢM	TĂNG		3.49			3.67	3.25	-7.36%	
HAR	3.53	TĂNG	GIẢM	3.56	3.44	-0.84%			3.88		
HCD	3.63	GIẢM	GIẢM		3.89				4.34		
HDA	12.50	TĂNG	TĂNG	10.50	12.22	19.05%		11.30	11.17	10.62%	
HDC	19.25	TĂNG	TĂNG	15.25	18.30	26.23%		15.25	15.46	26.23%	
HHP	11.70	GIẢM	GIẢM		12.26				13.79		
HHS	3.04	GIẢM	GIẢM		3.18				3.42		
HII	11.05	GIẢM	GIẢM		11.63				12.54		
HQC	1.36	GIẢM	GIẢM		1.40				1.49		
HSL	8.90	TĂNG	GIẢM	8.10	8.32	9.88%			9.33		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.16	0.00%			2.83		
HVG	2.54	GIẢM	GIẢM		2.79				3.94		
HVH	27.70	TĂNG	#N/A	27.05	26.31	2.40%			#N/A		
JVC	2.58	GIẢM	GIẢM		2.71				3.01		
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.40				1.61		
KMR	2.81	GIẢM	TĂNG		2.92			3.68	2.65	-23.64%	
LCG	9.30	GIẢM	GIẢM		10.02				11.26		
LGL	9.80	GIẢM	TĂNG		10.36			7.11	8.90	37.77%	
LHG	18.00	GIẢM	TĂNG		19.09			19.30	17.32	-6.74%	
LMH	17.85	TĂNG	#N/A	17.85	17.37	0.00%	MUA	-	#N/A		
MST	2.80	TĂNG	GIẢM	2.80	2.46	0.00%			3.16		
NDN	18.00	TĂNG	TĂNG	14.10	17.56	27.66%		13.10	15.83	37.36%	



We Create Fortune

PHC	12.45	GIẢM	GIẢM		12.82			13.71		
PVB	21.50	TĂNG	TĂNG	20.20	21.31	6.44%		20.10	18.52	6.97%
PVC	7.40	GIẢM	TĂNG		7.71			7.10	6.67	4.23%
PXL	5.20	GIẢM	GIẢM		5.66				6.72	
PXS	6.06	TĂNG	TĂNG	5.70	5.66	6.32%		4.85	5.12	24.95%
QBS	3.00	TĂNG	GIẢM	3.08	2.90	-2.60%			3.36	
SFG	9.09	GIẢM	GIẢM		9.66				11.77	
SHI	8.69	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	3.58%		6.23	7.49	39.43%
SJF	2.95	GIẢM	GIẢM		3.16				3.88	
SKG	11.50	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61	
TDH	9.39	TĂNG	GIẢM	9.40	8.90	-0.11%			10.07	
TIG	3.10	GIẢM	TĂNG		3.31			3.20	3.03	-3.13%
TLD	5.28	GIẢM	GIẢM		5.34				6.02	
TLH	4.62	TĂNG	GIẢM	4.70	4.49	-1.70%			5.16	
TNI	10.35	GIẢM	GIẢM		10.66				11.98	
TTF	3.08	GIẢM	GIẢM		3.13				3.62	
TTH	3.70	GIẢM	GIẢM		3.83				4.24	
TVB	24.10	TĂNG	TĂNG	17.40	21.18	38.51%		20.10	18.01	19.90%
TVC	17.40	TĂNG	TĂNG	12.50	15.32	39.20%		14.30	13.11	21.68%
VC3	22.80	GIẢM	TĂNG		23.09			22.00	21.35	3.64%
VCR	23.30	TĂNG	GIẢM	20.50	20.28	13.66%			25.98	
VNE	3.30	TĂNG	GIẢM	3.35	2.95	-1.49%			3.70	
VPG	22.10	TĂNG	TĂNG	21.40	20.39	3.27%		20.46	19.34	8.04%
VRC	14.90	TĂNG	GIẢM	15.40	14.39	-3.25%			16.26	
YBM	10.00	GIẢM	GIẢM		10.91				12.01	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	980	0.06%
VN30	892.44	0.19%
VN Mid	963.73	0.75%
VN Small	818.79	0.09%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.35	0.68%
HN30	190.27	0.71%
VNX AllSh	864.82	0.30%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.55	0.35%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	336.24	
Bán	564.18	
GT rỗng	-227.94	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	9.49	
Bán	28.46	
GT rỗng	-18.97	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	32.12	
Bán	4.99	
GT rỗng	27.13	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HCM	1350	6.91%
PC1	1000	6.08%
OGC	190	4.87%
VCI	1600	4.65%
TCB	900	4.29%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	6300	8.99%
TVC	600	3.57%
SHS	200	2.41%
VCG	600	2.29%
CEO	200	1.96%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
EVF	1000	14.49%
KDF	3400	12.88%
VIB	900	5.14%
BCM	1500	4.92%
SIP	4800	3.77%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-2800	-5.27%
ITC	-600	-3.77%
SAB	-9000	-3.16%
EIB	-550	-3.06%
MWG	-2700	-2.25%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVX	-100	-6.67%
VCR	-1200	-4.90%
PVI	-800	-2.01%
NDN	-200	-1.10%
BAX	-500	-0.69%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MPC	-3500	-10.87%
NHH	-800	-2.86%
VEA	-900	-1.70%
SAS	-300	-0.69%
BOT	-200	-0.37%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	404,858	
VCB	293,001	
VHM	281,359	
VNM	212,448	
GAS	193,118	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,183	
VCS	14,112	
VCG	11,573	
PVS	9,703	
PVI	9,198	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	176,927	
VGI	108,813	
VEA	70,117	
GVR	61,336	
MCH	50,511	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	20,670,620	16,628,734
EIB	15,595,930	1,040,490
HPG	9,235,190	7,307,558
TCB	6,269,250	2,652,747
ITA	5,175,010	5,241,265

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	3,379,045	4,627,198
PVX	2,567,879	1,190,067
PVS	2,343,544	3,085,998
ACB	1,536,120	1,647,644
PVI	1,183,127	359,166

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
GEG	5,814,122	913,647
VIB	2,004,650	880,022
BSR	1,251,144	1,562,369
MPC	1,065,441	217,959
VGI	1,031,843	1,113,825

Nguồn: Bloomberg & YSVN

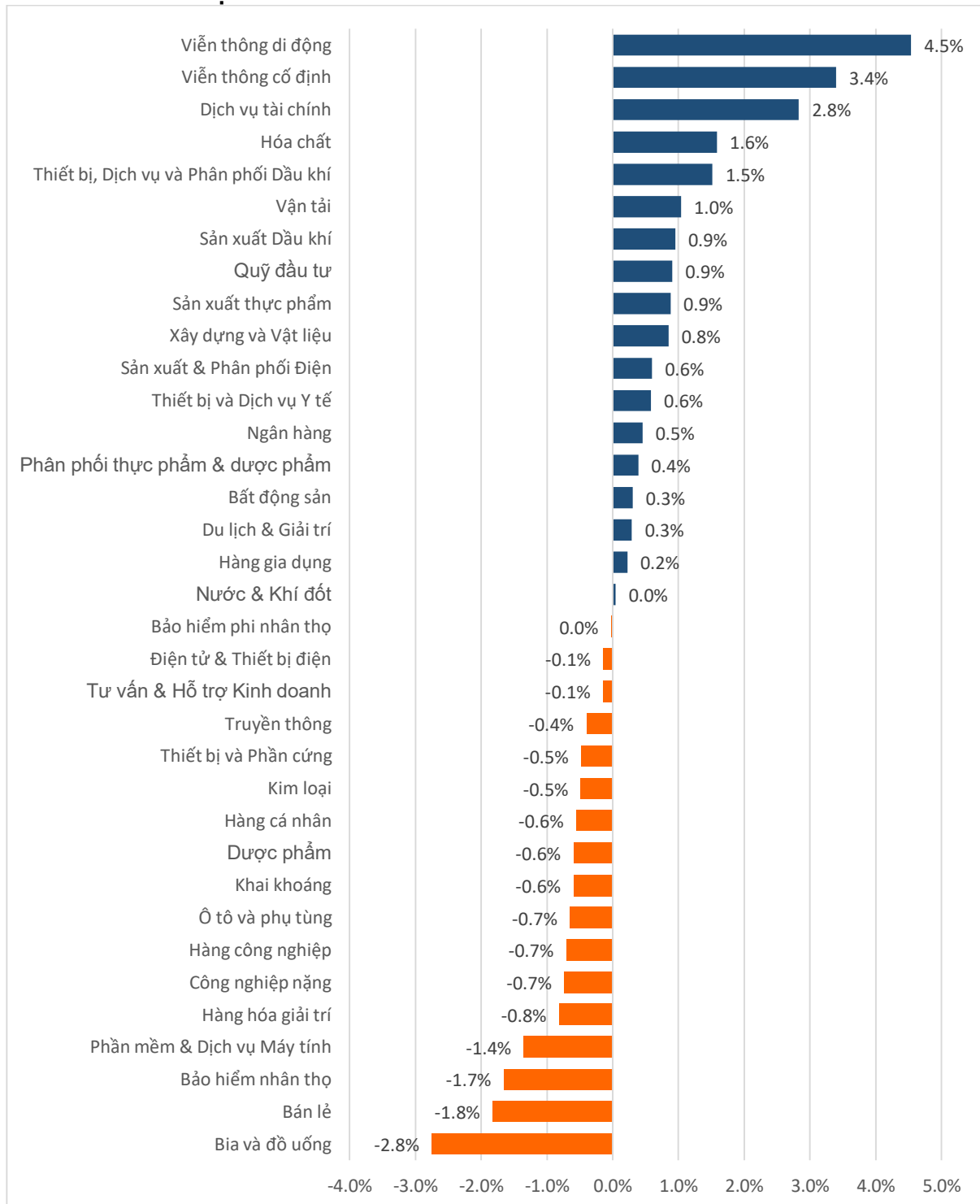
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



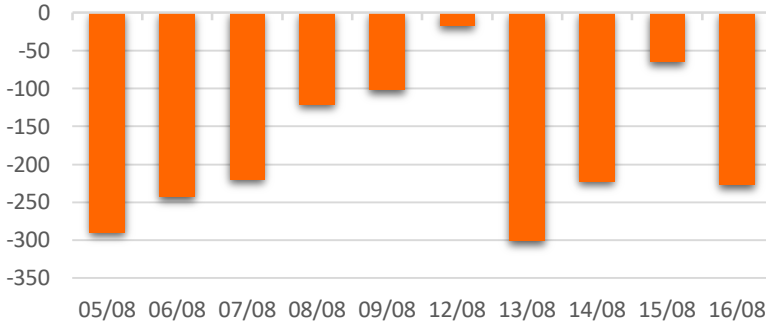
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

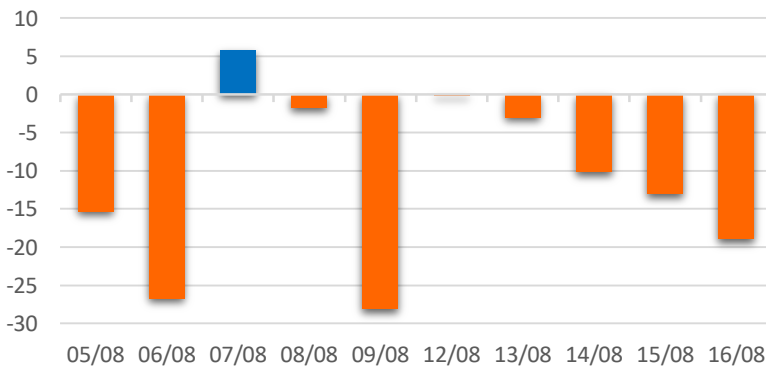
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	64,865	HPG	99,032
VIC	16,545	VJC	51,750
PLX	14,212	E1VFN30	45,001
MSN	13,199	DXG	34,324
PVD	9,583	VPI	21,000

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

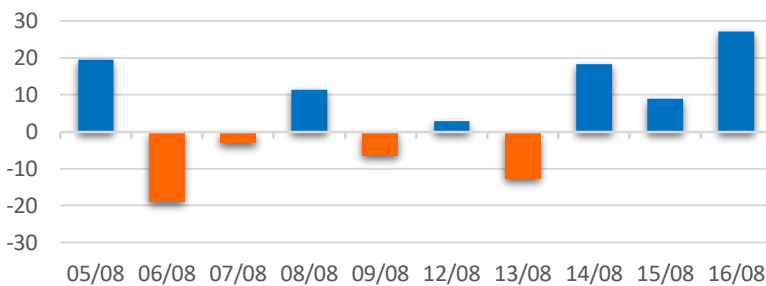
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TNG	304	VCS	18,493
PVS	233	INN	1,012
SHS	174	BVS	219
SD9	125	VKC	140
HUT	117	CPC	125

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
ACV	6,023	CTR	180
VEA	4,968	SGP	90
QNS	4,684	SDI	90
VTP	3,420	BTD	63
MCH	3,057	SAS	61

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



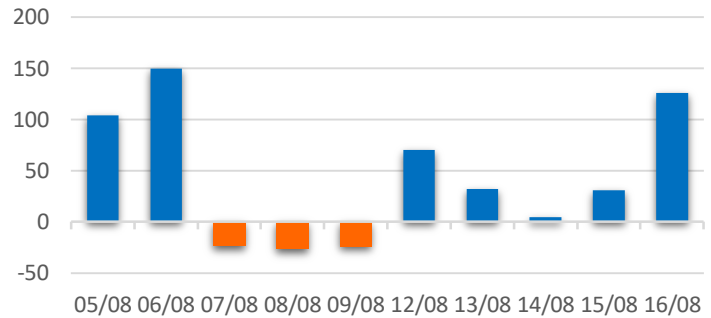
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

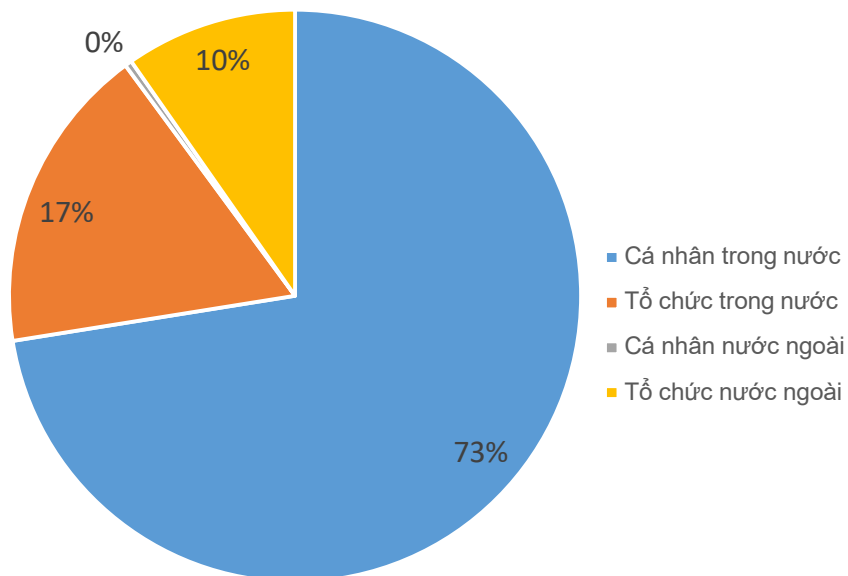
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VPI	130,702	VHM	19,992
E1VFN30	50,502	MWG	16,292
FPT	40,451	MBB	13,304
REE	17,716	TCB	11,724
MWG	16,542	GAS	10,767

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

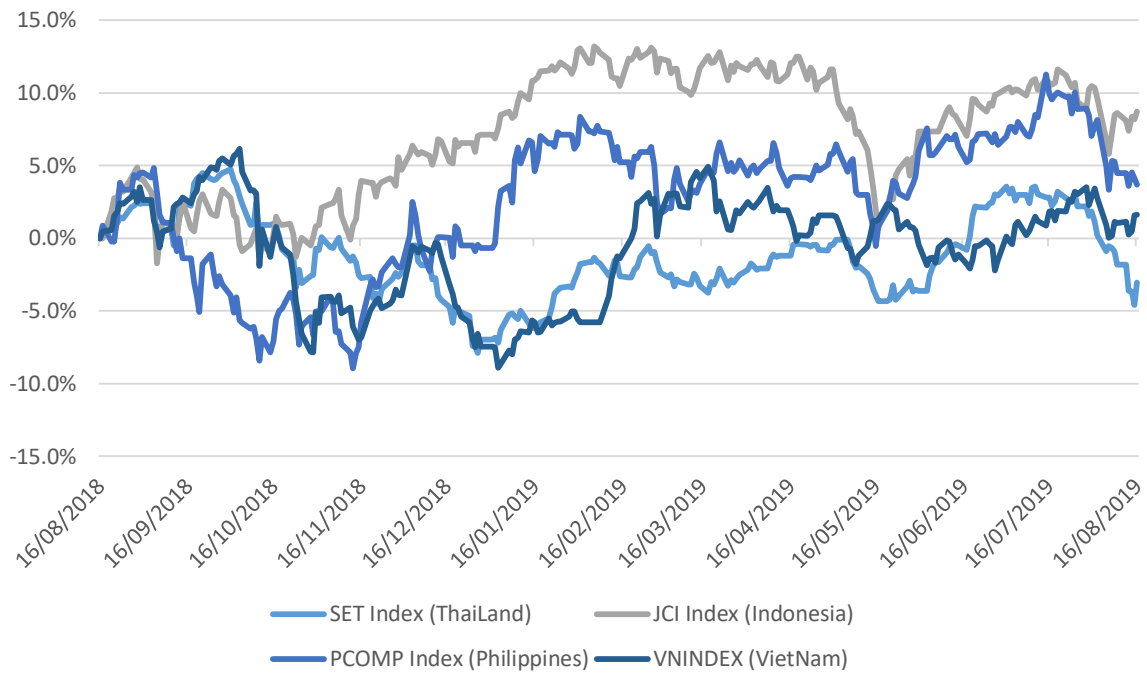


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

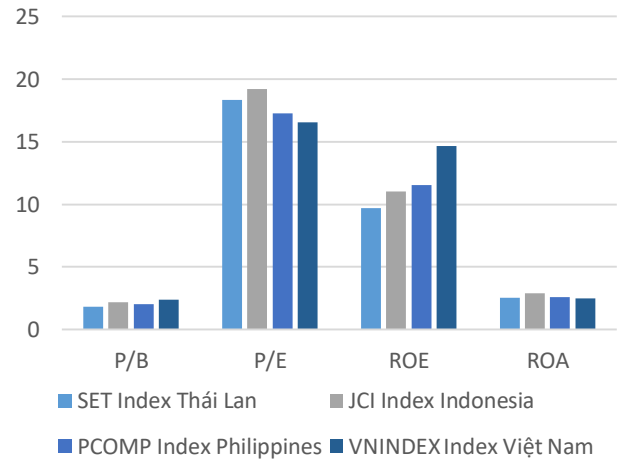
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.2x	2.0x	2.4x
P/E		18.3x	19.2x	17.3x	16.5x
ROE	%	9.70	11.00	11.55	14.67
ROA	%	2.56	2.90	2.59	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	533.13	505.57	186.82	142.66
GTGD	Triệu USD	2.67	0.49	0.11	0.12
LS cổ tức	%	3.17	2.46	1.69	1.80

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written